

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢN BẠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX
V/v kết quả kiểm tra, đánh giá
việc thực hiện các quy định quản
lý nhà nước về dược và mỹ phẩm
năm 2021

Quản Bạ, ngày tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hà Giang.

Căn cứ Công văn số: 2586/SYT-NVD, ngày 19/11/2021 của Sở Y tế tỉnh Hà Giang về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm năm 2021.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo ngành chuyên môn của huyện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm năm 2021 trên địa bàn huyện. Kết quả (*có biểu chi tiết kèm theo*).

Ủy ban nhân dân huyện trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP HĐND&UBND huyện;
- CVVP (đ/c Chiến);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Sèn Thăng Long

Phụ lục 1

BẢNG ĐIỂM TỰ KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DƯỢC, MỸ PHẨM NĂM 2021 HUYỆN QUẢN BẠ

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /12/2021 của UBND huyện)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Huyện Quản Bạ

2. Thông tin liên hệ:

Họ tên:

Chức danh:

Số ĐTCQ:

Di động:

Email:

3. Thông tin về nhân lực dược

Tên đơn vị	Tiến sĩ dược	Thạc sĩ dược	DS CKI	DS CKII	DS ĐH	DS Cao đẳng	Dược sĩ TH, KTV	Dược tá
I. Đơn vị hành chính, sự nghiệp								
II. Các cơ sở kinh doanh dược								
Nhà thuốc								
Quầy thuốc					1		19	
Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền								

4. Mạng lưới cung ứng thuốc: Các Công ty dược

Số TT	Loại hình	Số lượng	Ghi chú
I.	Các cơ sở bán lẻ thuốc		
1.	Nhà thuốc		

	- Nhà thuốc tư nhân		
	- Nhà thuốc bệnh viện		
	- Tổng số nhà thuốc		
2.	Quầy thuốc		
	- Quầy thuốc tư nhân	20	
	- Quầy thuốc bệnh viện		
	- Tổng số quầy thuốc	20	

B. BẢNG ĐIỂM TỰ KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DƯỢC, MỸ PHẨM TẠI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2020

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm BPYT tự chấm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Công tác xây dựng kế hoạch hoạt động công tác dược hàng năm trình Ủy ban nhân dân có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện	10	10	
	Trình UBND huyện, thành phố ban hành theo thẩm quyền các văn bản quản lý về dược, mỹ phẩm tại địa phương theo yêu cầu quản lý của UBND huyện, thành phố. - Thực hiện 100% theo yêu cầu của UBND huyện, thành phố: 10 điểm - Có thực hiện nhưng không đầy đủ theo yêu cầu của UBND huyện, thành phố: 5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra văn bản được ban hành	10	10	

2	Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về dược và mỹ phẩm mới ban hành	20	10	
2.1	Phổ biến đủ văn bản: - Phổ biến đủ 100% văn bản: 10 điểm. - Mỗi văn bản không phổ biến trừ 2 điểm tối đa không quá 8 điểm <i>*Kiểm tra công văn và tài liệu lưu tại bộ phận y tế</i>	10	10	
2.2	Tổ chức thực hiện, hướng dẫn tập huấn cho cơ sở kinh doanh dược, mỹ phẩm trên địa bàn thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật, các quy định mới ban hành về quản lý dược, mỹ phẩm: - Thực hiện > 70% số cơ sở: 10 điểm - Thực hiện 50% - 69% số cơ sở thực hiện: 5 điểm - Thực hiện <50% số cơ sở thực hiện: 0 điểm <i>* Kiểm tra báo cáo lưu tại bộ phận y tế</i>	10	0	
3	Công tác tổ chức và phối hợp liên ngành trong việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm	15	15	
3.1	Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch: - Thực hiện theo đúng kế hoạch: 5 điểm - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kế hoạch: 0 điểm <i>* Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra lưu tại bộ phận y tế</i>	5	5	
3.2	Tổ chức phối hợp liên ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện của các cơ sở về lĩnh vực dược và mỹ phẩm. - Có tổ chức: 5 điểm - Không tổ chức: 0 điểm <i>* Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra lưu tại bộ phận y tế</i>	5	5	

3.3	Công tác phối hợp với Sở Y tế trong việc thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho các cơ sở kinh doanh dược theo thẩm quyền - Có phối hợp: 5 điểm - Không phối hợp: 0 điểm <i>* Kiểm tra báo cáo lưu tại bộ phận y tế</i>	5	5	
-----	---	---	---	--

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm BPYT tự chấm	Ghi chú
4	Quản lý các cơ sở trên địa bàn quản lý	40	36	
4.1	Tại cơ sở bán lẻ thuốc	20	13	
4.1.1	<p>Kiểm tra các cơ sở bán lẻ thuốc: Tỷ lệ % số cơ sở bán lẻ được kiểm tra/tổng số cơ sở bán lẻ trên địa bàn (tính cho cả trường hợp tham gia với SYT hoặc đoàn liên ngành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra > 70% số cơ sở: 10 điểm - Kiểm tra được 50% - 69% số cơ sở: 5 điểm - Kiểm tra được 30% - 49% số cơ sở: 2.5 điểm - Kiểm tra được dưới 30% số cơ sở: 0 điểm <p>* Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của bộ phận y tế.</p>	10	5	
4.1.2	<p>Tỷ lệ % số cơ sở SX, KD được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về dược/ Tổng số cơ sở SXKD được thanh tra, kiểm tra trong năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ > 80 %: 10 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 8 điểm - Tỷ lệ < 70%: 0 điểm <p>* Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của bộ phận y tế</p>	10	8	

4.2		10	8	
	Các cơ sở có hoạt động được nhưng không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được (phòng khám đa khoa tư nhân có khám chữa bệnh bảo hiểm Y tế)			
4.2.1	<p>Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác được: Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra trong năm/tổng số cơ sở trên địa bàn (Số liệu tính chung cho Sở Y tế, đoàn liên ngành & bộ phận y tế):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra từ 90% số cơ sở trở lên: 5 điểm - Kiểm tra được 75% - 89% số cơ sở: 3 điểm - Kiểm tra được 50%- 74% số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được dưới 50% số cơ sở: 0 điểm. <p>* Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra.</p>	5	3	
4.2.2	<p>Tỷ lệ % số cơ sở KCB được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về được/ Tổng số cơ sở KCB được thanh tra, kiểm tra trong năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ > 80 %: 5 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 2,5 điểm - Tỷ lệ < 70%: 0 điểm <p>* Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của bộ phận y tế.</p>	5	5	
4.3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm	10	5	
4.3.1	<p>Kiểm tra hậu mại cơ sở sản xuất mỹ phẩm trên địa bàn trong năm (tính cho cả trường hợp tham gia với SYT hoặc đoàn liên ngành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra được > 40% số cơ sở: 5 điểm - Kiểm tra được 25% - 39% số cơ sở: 3 điểm - Kiểm tra được < 25% số cơ sở: 0 điểm <p>* Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối</p>	5	0	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm BPYT tự chấm	Ghi chú
	<i>năm của bộ phận y tế</i>			
4.3.2	<p>Tỷ lệ % số cơ sở SX, KD được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về mỹ phẩm/ Tổng số cơ sở SXKD mỹ phẩm được thanh tra, kiểm tra trong năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ > 80 %: 5 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 3 điểm - Tỷ lệ < 70%: 0 điểm <p><i>* Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của bộ phận y tế</i></p>	5	5	
5	Công tác thống kê, tổng hợp báo cáo	10	10	
	<p>Báo cáo thường xuyên định kỳ công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm định kỳ 6 tháng, 1 năm theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ báo cáo: 10 điểm - Không đủ báo cáo: 5 điểm - Không thống kê báo cáo: 0 điểm <p><i>* Kiểm tra báo cáo lưu tại bộ phận y tế</i></p>	10	10	
6	Công tác cải cách hành chính	5	0	
	<p>Triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực dược và mỹ phẩm, ban hành danh mục các thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến lĩnh vực dược và mỹ phẩm thuộc phạm vi quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tổ chức: 5 điểm - Không tổ chức: 0 điểm <p><i>* Kiểm tra hồ sơ lưu tại bộ phận y tế</i></p>	5	0	

	Tổng điểm	100	71	
	Xếp loại: Khá			